

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG VIỆC LÀM THÊM ĐỐI VỚI VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

EFFECTS OF CHOOSING PARTICULAR JOBS ON LEARNING OF HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY'S STUDENTS

Phạm Thị Hồng Quyên¹, Nguyễn Văn Hoàng¹,
Đào Ngọc Quý¹, Bùi Thị Thu Loan^{2,*}

TÓM TẮT

Việc lựa chọn công việc làm thêm của sinh viên từ lâu đã trở thành một xu hướng trong xã hội, thu hút nhiều đối tượng tham gia. Việc lựa chọn này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến công việc học tập, thể hiện rõ ở kết quả học tập mà sinh viên đạt được. Mặc dù đã có một vài nghiên cứu chỉ ra ảnh hưởng công việc làm thêm đến kết quả học tập, song các nghiên cứu này chỉ tập chung ở công việc làm thêm nói chung, chưa đi sâu vào từng loại hình công việc. Trong khi việc làm thêm ở mỗi loại hình công việc lại có những mặt tác động, ảnh hưởng khác nhau. Do đó, nghiên cứu này chỉ ra các nguyên nhân, giải pháp giúp sinh viên lựa chọn công việc làm thêm phù hợp mà kết quả học tập vẫn đạt tốt dựa trên đối tượng khảo sát là sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội với quy mô mẫu 689. Kết quả phân tích cho thấy đa số sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xếp loại học lực dưới trung bình khá và khá. Việc lựa chọn các công việc làm thêm không phù hợp sẽ tác động đến kết quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: Lựa chọn công việc làm thêm; ảnh hưởng công việc làm thêm đến kết quả học tập.

ABSTRACT

Choosing part-time jobs for students has long been a trend in society, attracting many participants. This choice has had a significant impact on academic work, which is evident in the learning outcomes that students achieve. Although there have been a few studies showing the effect of part-time work on academic performance, these studies only focus on part-time jobs in general, not going into each type of work. While part-time jobs in each type of work have different sides and effects. Therefore, this study points out the causes and solutions to help students choose suitable part-time jobs while still achieving good academic results based on the survey subjects being students of Hanoi University of Industry with sample size 689. The analysis results show that the majority of students at Hanoi University of Technology are classified below average as good and good. The choice of inappropriate part-time jobs will affect students' academic results.

Keywords: Choosing part-time jobs; effect of part-time work on study results.

¹Lớp QTKDCLC01- K12, Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Khoa Quản lý Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: buithuloan@yahoo.com

1. GIỚI THIỆU

Khi chúng ta bước vào hành trình tìm việc làm cho bản thân chúng ta sẽ bắt gặp rất nhiều hình thức việc làm khác nhau. Việc hiểu hết các hình thức việc làm đó không phải là một điều đơn giản. Trong đó, ngoài hình thức việc làm toàn thời gian tức là công việc chính hàng ngày của bạn thì việc làm thêm được xem là hình thức thứ hai được nhắc đến nhiều nhất. Vậy việc làm thêm là gì? Thực chất việc làm thêm là một định nghĩa nhằm mô tả hay diễn đạt một công việc mang tính chất chất không chính thức, không thường xuyên, không cố định, không ổn định bên cạnh một công việc chính thức.

Việc làm thêm còn có một khái niệm khác nữa là việc làm bán thời gian (parttime). Các công việc làm thêm, bán thời gian thường kéo dài trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 giờ mỗi ngày hoặc ít hơn tùy vào tính chất của mỗi công việc..

Khác với hình thức việc làm thêm toàn thời gian hay còn gọi là Full time thì các công việc làm thêm thường không cố định, đôi khi cũng không bắt buộc bạn phải đến công ty để làm, bạn có thể làm tại nhà, gia đình của bạn, bạn được lựa chọn môi trường và cách thức việc làm cũng như thời gian để bạn có thể làm việc.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Sinh viên đại học liên quan đến việc làm thêm đã trở thành trọng tâm nghiên cứu ở UK trong nhiều năm (Lucas và Lammont, 1998; Kelly, 1999; Watts và Pickering, 2000; Curtis và Lucas, 2001). Sự quan tâm này chủ yếu là do việc giới thiệu các khoản vay cho sinh viên gần đây đã thay thế các khoản trợ cấp được thử nghiệm trước đó, ở mức độ lớn, các khoản tài trợ của chính phủ cho học phí đại học. Việc giới thiệu các khoản cho vay sinh viên đã làm nảy sinh các lo ngại liên quan đến các khó khăn của sinh viên (Curtis và Williams, 2002) và các ảnh hưởng tiêu cực lên tiến độ học tập của các sinh viên toàn thời gian tham gia vào làm việc bán thời gian (Watts và Pickering, 2000). Trong khi người ta nhận ra rằng chỉ một số ít các sinh viên sẽ bắt đầu trả hết các khoản vay của họ trong khi vẫn còn đang học, người ta

cũng lập luận rằng việc nhận nợ là kết quả trực tiếp của việc học sẽ thúc đẩy sinh viên làm việc bán thời gian. Thêm vào đó để đóng góp vào trải nghiệm học tập, các sinh viên cũng phải trả tiền thuê nhà, mua sách vở và thực phẩm, chi trả cho việc đi lại và các hoạt động xã hội.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, tổng hợp tài liệu, các nghiên cứu liên quan được công bố trong các bài báo, sách tham khảo và các báo cáo về việc làm thêm của sinh viên. Các dữ liệu này giúp nghiên cứu định hình các vấn đề lý thuyết cơ bản về việc đi làm thêm của sinh viên và mối quan hệ giữa việc đi làm thêm với hoạt động học tập của sinh viên tại trường Đại học. Đồng thời sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh đối chiếu và thống kê mô tả dựa trên dữ liệu khảo sát để làm rõ thực trạng lựa chọn công việc làm thêm đối với kết quả học tập của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Do ảnh hưởng của dịch Covid19 nghiêm trọng trên khắp cả nước, đã gây ra sự khó khăn trong phỏng vấn trực tiếp. Các phiếu khảo sát được gửi tới sinh viên các lớp thông qua các nhóm học online được hình thành trong giai đoạn học tích hợp do yêu cầu giãn cách xã hội thông qua bảng hỏi được thiết kế theo Google form. Tổng số các nhóm gửi bảng hỏi thông qua sự hỗ trợ của các giáo viên của các khoa và nhóm nghiên cứu thực hiện dự kiến khoảng 1200 - 1300 sinh viên (16 lớp và một số nhóm riêng thuộc các khóa và các ngành khác nhau). Tổng số phiếu thu về là 732 phiếu (đạt 61%). Trong đó 689 phiếu là các đối tượng sinh viên đã, đang đi làm; 43 phiếu chưa đi làm và 15 phiếu không phản hồi, 3 phiếu không đạt.

Bảng 1. Mô tả dữ liệu và mẫu nghiên cứu

STT	Ngành học	Số lượng		Sinh viên năm thứ			
		Số lượng khảo sát	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư và đã tốt nghiệp
1	Khối ngành kinh tế	396	58%	102	131	70	93
2	Khối ngành kỹ thuật và Công nghệ thông tin	276	40%	5	169	81	21
3	Khối Ngành khác (may, ngôn ngữ, Việt Nam học, Công nghệ Hóa,...)	17	2%	5	5	2	5
	Tổng cộng	689	100%	112	305	153	119

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Qua khảo sát số liệu sơ cấp, quá trình phân tích đã thu về kết quả nghiên cứu theo ngành và khoá học đối với đối tượng đã và đang đi làm, được phản ánh cụ thể theo bảng 1. Đầu tiên khảo sát thực hiện 689 phiếu trong đó có 396 sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, chiếm tỷ lệ cao nhất là

58%. Tiếp đến là 276 sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật và Công nghệ thông tin chiếm 40%. Còn lại là 17 sinh viên thuộc khối khác (May, ngôn ngữ, Việt Nam học, Công nghệ Hóa,...) chiếm tỷ lệ thấp nhất là 2%. Từ đó nhóm nghiên cứu tiếp tục xem xét số lượng sinh viên từng khối chia theo năm học. Để từ đó biết được đối với mỗi khối ngành nghề và năm học thì việc lựa chọn công việc làm thêm có sự thay đổi, tác động như thế nào. Khảo sát được thực hiện thông qua bảng câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức điểm, tương đương với 1 điểm là rất không đồng ý cho đến 5 điểm là rất đồng ý. Các câu hỏi cho các thang đo trong nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kế thừa từ kết quả nghiên cứu trước đây của Carney C., McNeish S., McColl J. (2005), kết hợp với sự điều chỉnh theo kết quả nghiên cứu định tính sơ bộ được thực hiện trong nghiên cứu trước đó. Các câu hỏi nghiên cứu được dựa trên cơ sở các thang đo gốc đã được chuyển thể và sử dụng trong các nghiên cứu trước đó. Một số biến được mô tả tóm tắt trong bảng 2.

Bảng 2. Tóm tắt thang đo các biến

Mã hóa	Biến quan sát	Thang điểm	
Mục đích (MĐ)	MĐ1	1. Tôi cần đi làm thêm để trang trải các chi phí cần thiết cho sinh hoạt và học tập, giảm gánh nặng tài chính cho gia đình	Likert 5 mức điểm
	MĐ2	2. Tôi lựa chọn công việc làm thêm để tích lũy những kinh nghiệm, kỹ năng mềm phục vụ bản thân ở hiện tại và trong tương lai	Likert 5 mức điểm
	MĐ3	3. Lựa chọn công việc làm thêm của tôi để tạo dựng các mối quan hệ xã hội	Likert 5 mức điểm
	MĐ4	4. Việc lựa chọn công việc làm thêm chỉ để tôi bớt thời gian rảnh rỗi	Likert 5 mức điểm
Ảnh hưởng (AH)	AH1	1. Làm thêm nhiều khiến tôi mệt mỏi và khó tập trung vào việc học tập	Likert 5 mức điểm
	AH2	2. Công việc làm thêm khiến tôi luôn cảm thấy áp lực, căng thẳng	Likert 5 mức điểm
	AH3	3. Công việc làm thêm của tôi khiến thời gian một ngày bị bó hẹp và khó sắp xếp hợp lý	Likert 5 mức điểm
	AH4	4. Đi làm thêm khiến tôi không còn thời gian cho các MQH bạn bè	Likert 5 mức điểm
	AH5	5. Đi làm thêm nhiều làm hạn chế thời gian tự học và nghiên cứu của tôi theo kế hoạch	Likert 5 mức điểm
	AH6	6. Công việc làm thêm đã gây cản trở việc tham gia các hoạt động ngoại khóa (TNV, các cuộc thi cấp khoa, cấp trường...)	Likert 5 mức điểm

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Đối với việc lựa chọn công việc làm thêm của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, kết quả khảo sát đã chỉ ra sinh viên đi làm thêm ở nhiều loại hình công việc khác nhau. Tuy nhiên nhóm công việc không liên quan đến chuyên ngành và chuyên môn đào tạo lại chiếm tỷ trọng lớn nhất (nhóm công việc 1 và 3). Kết quả này phù hợp với nhận định trong các nghiên cứu của Callender, vì tính chất của các công việc này có nhu cầu cao về nguồn lực lao động phổ thông. Đặc biệt tại Việt Nam, trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển với sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực thương mại và dịch vụ cần nhu cầu lao động dồi dào và chi phí thấp. Bên cạnh đó, sự phát triển của các ứng dụng công nghệ tích hợp trong các dịch vụ cũng thu hút lớp trẻ tham gia.

Đây là các loại công việc để tìm kiếm hơn so với các nhóm công việc khác, giúp sinh viên có thể có các nguồn thu nhập bổ sung cần thiết, góp phần trang trải kinh phí cho cuộc sống sinh hoạt, học tập; giảm gánh nặng kinh tế gia đình. Tuy nhiên, các công việc này khi lựa chọn làm thêm cũng có những hạn chế nhất định như về thời gian, sức khỏe và kết quả học tập. Đồng thời các nghiên cứu trước và qua khảo sát của nhóm đã chỉ ra mục đích đi làm thêm của sinh viên là để trang trải các chi phí sinh hoạt và học tập, tích lũy những kinh nghiệm, kỹ năng mềm, phụ vụ bản thân ở hiện tại và trong tương lai.

Kết quả khảo sát cho thấy việc lựa chọn công việc làm thêm không phù hợp sẽ tác động đến kết quả học tập của sinh viên, những tác động đó tập trung vào những yếu tố như giảm thời gian tự học, và ảnh hưởng đến sức khỏe, từ đó làm cho kết quả học tập bị giảm sút kể từ khi sinh viên bắt đầu đi làm thêm. Tuy nhiên, những tác động cụ thể nhiều hay ít của việc đi làm thêm đến kết quả học tập còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, đó là số giờ làm việc vào mỗi ngày hoặc mỗi tuần, tùy thuộc vào loại công việc và tính chất công việc, tùy thuộc vào thời gian và sự phù hợp với chuyên môn của sinh viên.

Nhìn chung khi sinh viên lựa chọn công việc phù hợp với chuyên ngành thì đỡ vất vả, mà kết quả học tập có chiều hướng tốt hơn là làm công việc khác hoặc không phù hợp với chuyên ngành.

5. MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Tổng số mẫu khảo sát về ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với công việc học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội chỉ mới dừng lại ở mức 732 phiếu khảo sát, ở 3 khối ngành. Cho thấy quy mô còn nhỏ, nhóm nghiên cứu đã nỗ lực khảo sát song kết quả thu về chưa thực tốt với kết quả mong đợi, chưa có sự cân đối về số lượng khảo sát giữa các ngành học với nhau. Nghiên cứu cũng chưa thu được nhiều các hồi đáp từ các sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội đã tốt nghiệp, trong khi chúng tôi cho rằng, đối tượng sinh viên đã tốt nghiệp đã có trải nghiệm thực tế và kinh nghiệm lựa chọn công việc làm thêm hơn là nhóm sinh viên đang học. Và số lượng sinh

viên của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là chưa đầy đủ, điều này có thể làm cho độ chính xác của kết quả nghiên cứu này chưa thực sự cao. Các yếu tố đưa vào nghiên cứu này cũng chỉ dừng lại ở các yếu tố hiện tại như đặc điểm của sinh viên, nhà trường, gia đình và xã hội, chưa đưa vào những yếu tố tiềm năng như những yếu tố liên quan đến môi trường làm việc của sinh viên.

Để tài nghiên cứu này cũng mới dừng lại ở khía cạnh xác định những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, chưa đi sâu phân tích nguyên nhân của từng yếu tố để có được cái nhìn sâu sắc hơn, giúp cho việc đưa ra những gợi ý giải pháp mang tính thực tiễn cao hơn. Cũng chính vì lý do đó, các gợi ý giải pháp của nghiên cứu này cũng chỉ dừng lại ở mức khái quát, chưa thực sự chi tiết, bám sát với thực tế đào tạo của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Để kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ngày càng nâng cao, thiết nghĩ cần có những nghiên cứu tiếp theo, chuyên sâu để xác định được những nguyên nhân sâu xa của vấn đề, đưa thêm vào mô hình nghiên cứu những kết quả nghiên cứu từ trước, cũng như cần có những nghiên cứu định kỳ. Có như vậy việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên sẽ sâu sắc và thiết thực hơn, giúp cho bộ phận tham mưu, các cấp lãnh đạo nhà trường có thể đưa ra được nhiều chính sách, phương pháp phù hợp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vương Quốc Duy và ctg, 2015. *Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định làm thêm của sinh viên Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ số 40, 105-113.
- [2]. Nguyễn Thùy Dung và ctg, 2017. *Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường đại học Lâm nghiệp*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp số tháng 10, 134-141.
- [3]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu với SPSS, Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- [4]. Nguyễn Xuân Long, 2009. *Nhu cầu làm thêm của sinh viên Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Tâm lý học số 9 (126).
- [5]. Berkeley J., 1997. *Thuyết trình chính, Hiệp hội các nhà tuyển dụng tốt nghiệp Hội nghị thường niên*. Đại học Warwick.
- [6]. Callender C., Kempson E., 1996. *Tài chính của sinh viên: thu nhập, chi tiêu và nhận các khoản vay sinh viên*. PSI Publishing, London.
- [7]. Carney C., McNeish S., McColl J. 2005. *Tác động của việc làm bán thời gian đối với sức khỏe và kết quả học tập của sinh viên: một viễn cảnh của Scotland*. Tạp chí Giáo dục Đại học và Đại học, 29 (4), 307-319.
- [8]. *Bài viết đặc biệt về giáo dục và đào tạo - kết hợp giữa làm việc và học tập*. ABS Cục Thống kê Úc.
- [9]. J, Bosworth D., Wilson R., 1995. *Làm việc bán thời gian và giáo dục đại học toàn thời gian*. Nghiên cứu về giáo dục đại học, 20 (2), 187-202.